

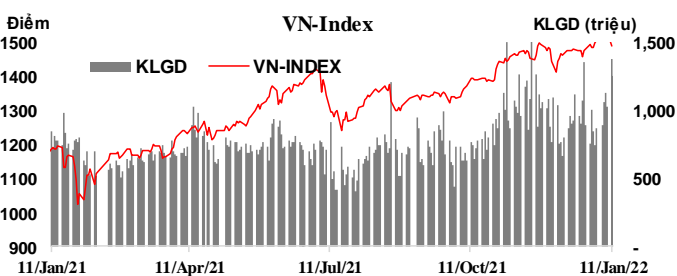
Kỳ hạn	Lãi suất LNH				Trái phiếu		
	VND	D/D	USD	D/D	Kỳ hạn	Lợi suất	D/D
ON	1.22	-0.02	0.15	0.00	3Y	0.76	0.016
1W	1.68	0.02	0.20	0.00	5Y	0.93	0.000
2W	1.95	0.03	0.23	0.00	7Y	1.36	0.003
1M	2.28	0.12	0.31	0.00	10Y	2.10	0.012
2M	2.40	0.12	0.39	0.00	15Y	2.39	0.014
3M	2.48	-0.02	0.49	-0.02			
6M	2.60	0.04	0.76	-0.01			
9M	2.68	0.03	1.10	0.00			
1Y	3.15	0.07	1.18	0.00			

Nguồn: Reuters

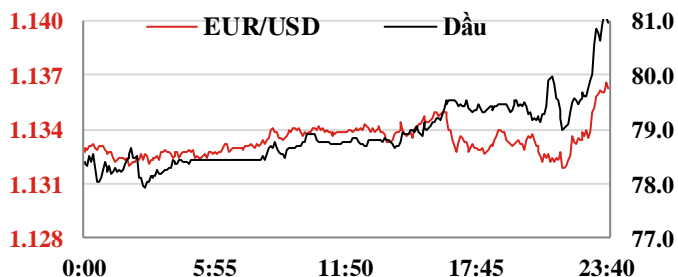
Giao dịch mua kỳ hạn trên OMO (tỷ đ)

Ngày	Phiên	Kỳ hạn (ngày)	Lãi suất (%)	KL gọi thầu	KL trúng	KL đến hạn	Bom/hút rỗng	KL lưu hành
11-01-22	1	14	2.50	5,000	-	-	-	10,535.93
10-01-22	1	14	2.50	5,000	-	1.78	1.78	10,535.93
07-01-22	1	14	2.50	5,000	-	-	-	10,537.71

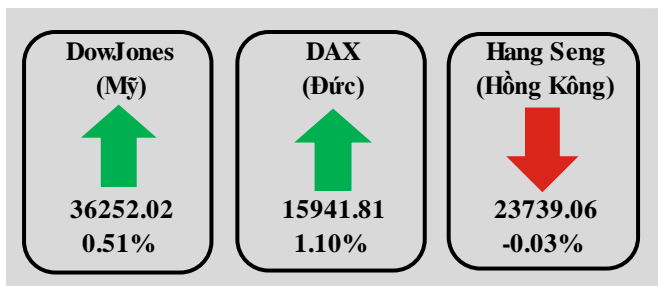
	VN-Index	HNX-Index	Upcom
Điểm	1492.31	481.61	114.54
%/ngày	-0.76%	-0.27%	0.21%
%/31/12/2021	-0.40%	1.6%	1.7%
KLGD (tr.d.v)	1251.47	138.11	94.8
GTGD (tỷ đ)	35944.29	3874.06	2063.14
NĐINN mua (tỷ đ)	1626.82	21.23	0.84
NĐINN bán (tỷ đ)	1521.14	12.44	0.55


**Tin trong nước ngày 11/01**

- Thị trường ngoại tệ:** Phiên 11/01, NHNN niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 23.105 VND/USD, tiếp tục giảm 20 đồng so với phiên đầu tuần. Tỷ giá mua giao ngay và tỷ giá bán được NHNN giữ nguyên niêm yết lần lượt ở mức 22.650 VND/USD và 23.150 VND/USD. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên ở mức 22.705 VND/USD, tăng 13 đồng so với phiên 10/01. Tỷ giá trên thị trường tự do giảm 30 đồng ở chiều mua vào trong khi giữ nguyên ở chiều bán ra, giao dịch tại 23.540 VND/USD và 23.620 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày 11/01, lãi suất chào bình quân LNH VND giảm 0,02 đpt ở kỳ hạn ON trong khi tăng 0,02 – 0,12 đpt ở các kỳ hạn còn lại từ 1M trở xuống so với phiên đầu tuần, cụ thể: ON 1,22; 1W 1,68%; 2W 1,95 và 1M 2,28%. Lãi suất chào bình quân LNH USD đi ngang ở tất cả các kỳ hạn, giao dịch tại: ON 0,15; 1W 0,20%; 2W 0,23%, 1M 0,31%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp tăng ở hầu hết các kỳ hạn ngoại trừ giảm ở kỳ hạn 5Y, cụ thể: 3Y 0,76%; 5Y 0,93%; 7Y 1,36%; 10Y 2,10%; 15Y 2,39%.
- Nghiệp vụ thị trường mở:** Phiên hôm qua, NHNN chào thầu 5.000 tỷ đồng trên kênh cầm cố với kỳ hạn 14 ngày, lãi suất ở mức 2,50%. Không có khối lượng trúng thầu, không có khối lượng đáo hạn trên kênh này. Như vậy, khối lượng lưu hành trên kênh này giữ nguyên ở mức 10.535,93 tỷ đồng.
- Thị trường chứng khoán:** Hôm qua, hàng loạt cổ phiếu trong nhóm ngân hàng, chứng khoán chịu áp lực điều chỉnh và phần lớn giảm sâu, VN-Index thủng mốc 1.500 điểm. Kết phiên, VN-Index giảm 11,40 điểm xuống 1.492,31 điểm (-0,76%); HNX-Index giảm 1,28 điểm (-0,27%) xuống 481,61 điểm; UPCoM-Index tăng 0,24 điểm (+0,21%) lên 114,54 điểm. Thanh khoản thị trường tuy giảm so với phiên trước đó nhưng vẫn ở mức cao với tổng giá trị giao dịch đạt gần 41.900 tỷ VND. Khối ngoại mua ròng gần 115 tỷ đồng trên cả 3 sàn.
- Ngày 11/01, Liên Bộ Công Thương - Tài chính thực hiện điều chỉnh giá xăng dầu.** Theo đó mỗi lít xăng E5 RON 92 tăng 600 đồng, RON 95 tăng 580 đồng và dầu tăng 620-660 đồng một lít, kg. Giá xăng E5 RON 92 sau điều chỉnh là 23.150 đồng một lít; xăng RON 95 là 23.870 đồng một lít. Giá các mặt hàng dầu đều tăng: Dầu hoả là 17.130 đồng một lít, tăng 620 đồng; Dầu diesel là 18.230 đồng một lít, tăng 660 đồng; Dầu madut là 16.360 đồng một kg, tăng 620 đồng.



	11 Jan 22	Ngày (%)	Tuần (%)	Đầu năm (%)
USD index	95.62	-0.38%	-0.66%	-0.36%
USD/CNY	6.37	-0.03%	0.02%	0.34%
USD/EUR	0.88	-0.35%	-0.70%	0.04%
USD/JPY	115.28	0.07%	-0.74%	0.17%
USD/KRW	1192.31	-0.48%	-0.43%	0.37%
USD/SGD	1.35	-0.44%	-0.39%	0.10%
USD/TWD	27.67	0.03%	0.49%	-0.17%
USD/THB	33.30	-0.95%	0.15%	0.21%
USD/VND Trung tâm	23105	-0.09%	-0.13%	-0.17%
USD/VND LNH	22705	0.06%	-0.22%	-0.38%
USD/VND tự do	23540	-0.13%	0.17%	0.38%
Vàng	1822.01	1.14%	0.41%	-0.35%
Dầu	81.22	3.82%	5.49%	7.99%



Kỳ hạn	LIBOR		SIBOR		SOFR	
	USD	TĐ	USD	TĐ	USD	TĐ
ON	0.0774	0.0000				
SW	0.0000	0.0000				
1M	0.1130	0.0090	0.3000	0.0000	0.0497	0.0000
2M	0.0000	0.0000				
3M	0.2444	0.0061	0.4375	0.0000	0.0491	0.0000
6M	0.3861	0.0031	0.5932	0.0000	0.0496	0.0000
1Y	0.6956	0.0187	0.0000	0.0000		

Số liệu SIBOR ngày 10/01/2022

### Lãi suất cơ bản các Ngân hàng Trung Ương

NHTW	Đồng tiền	Kỳ trước	Kỳ này	Ngày thay đổi	Cuộc họp tới
Mỹ	USD	1,25%	0,25%	15/03/2020	25/01/2022
Châu Âu	EUR	0,5%	0,00%	10/02/2016	03/02/2022
Anh	GBP	0,10%	0,25%	16/12/2021	03/02/2022
Nhật	JPY	0,10%	-0,10%	28/01/2016	17/01/2022
Australia	AUD	0,25%	0,10%	03/11/2020	01/02/2022

Nguồn: TCTK, NHNN, Hose, HNX, Thomson-Reuters, MSBResearch

## Tin quốc tế

- Chủ tịch Fed Jerome Powell có phát biểu quan trọng về chính sách tiền tệ.** Trong buổi điều trần trước Ủy ban Thượng viện Ngân hàng Mỹ, ông Powell nhận định nền kinh tế Mỹ đã ở một trạng thái khác so với trước đây, có thể đứng vững trước việc thắt chặt CSTT, và thậm chí là sự ảnh hưởng của biến thể Omicron. Ông cho biết bảng cân đối tài sản hiện đang ở mức 9.000 tỷ USD có khả năng sẽ được thu hẹp sớm hơn và nhanh hơn. Tuy nhiên, vị Chủ tịch Fed cũng lưu ý thêm rằng hầu hết các quan chức của Fed vẫn đang tiếp tục tranh luận, và phải mất tới từ 2 tới 4 cuộc họp nữa để có thể đưa ra quyết định cuối cùng. Ngay sau khi những phát biểu này được đưa ra, thị trường tài chính Mỹ cho thấy sự khởi sắc trở lại, tất cả các chỉ số chứng khoán lớn đều hiện sắc xanh và giá dầu WTI bật tăng tương đối mạnh. Hôm nay, ngày 12/01, thị trường chờ đợi thông tin quan trọng về chỉ số CPI tháng 12 của Mỹ.
- Nước Úc đón một số thông tin kinh tế trái chiều.** Đầu tiên, Văn phòng Thống kê Úc cho biết doanh số bán lẻ tại nước này tăng 7,3% m/m trong tháng 11, nối tiếp đà tăng 4,9% của tháng 10 và đồng thời cao hơn mức tăng 3,5% theo dự báo của các chuyên gia. Như vậy, tháng 11 vừa qua đánh dấu là tháng có mức tăng doanh số bán lẻ m/m cao nhất kể từ 05/2020. So với cùng kỳ năm 2020, doanh số bán lẻ tại Úc tháng 11 tăng khá mạnh 5,8%. Tiếp theo, về tiêu cực, cán cân thương mại Úc thặng dư 9,42 tỷ AUD trong tháng 11, thấp hơn khá nhiều so với mức thặng dư 11,22 tỷ của tháng 10 và đồng thời thấp hơn mức thặng dư 10,5 tỷ theo dự báo. Đây là tháng có mức thặng dư thấp nhất của Úc kể từ tháng 05/2021.
- Lịch công bố các chỉ số kinh tế:**

Ngày	Giờ VN	Mức độ ảnh hưởng	Chỉ số kinh tế	Kỳ này	Dự báo	Kỳ trước
11-01	7:30	*	Doanh số bán lẻ Úc mm T11	7.3	3.5	4.9
11-01	7:30	*	Cán cân thương mại Úc T11	9.42B	10.50B	11.22B
12-01	17:00	*	Sản lượng công nghiệp Eurozone mm T11		0.1	1.1
12-01	20:30	***	CPI toàn phần Mỹ mm T12		0.4	0.8
12-01	20:30	***	CPI lõi Mỹ mm T12		0.5	0.5

## VN-INDEX



VN-Index giảm xuống mức 1492,31 điểm. Trong vài phiên giao dịch tiếp theo, VN-Index có thể sẽ hồi phục trở lại nếu như vùng hỗ trợ trong khoảng 1.475-1.490 điểm (SMA20-50) được giữ vững.

*Nguỡng hỗ trợ: 1.490 – 1.480*

*Nguỡng kháng cự: 1.510 – 1.520*

## NGÂN HÀNG TMCP HÀNG HẢI VIỆT NAM

TNR Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa - Hà Nội

ĐT: 04.3771 8989 - Ext: 6867

### TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KINH TẾ

#### Những người thực hiện:

Nguyễn Nữ Hoài Ninh - Trưởng nhóm

Email: ninhnh1@msb.com.vn

Hoàng Thị Thu Trang - CVCC Phân tích

Email: trangtt5@msb.com.vn

Nguyễn Trường Giang - CV Phân tích

Email: giangnt12@msb.com.vn

Những thông tin trên đây được Trung tâm Nghiên cứu kinh tế, MSB thu thập từ những nguồn được coi là đáng tin cậy. Những thông tin này chỉ mang tính tham khảo và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không chịu trách nhiệm về bất cứ tổn thất nào gây ra do việc sử dụng những thông tin trên vào mục đích kinh doanh. Những thông tin trên có thể thay đổi do diễn biến của thị trường và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không có trách nhiệm phải thông báo về những sự thay đổi này.

Mọi ý kiến đóng góp, đăng ký hoặc rút tên khỏi danh sách nhận bản tin, xin Quý khách vui lòng liên hệ qua địa chỉ: [Research@msb.com.vn](mailto:Research@msb.com.vn)